

Số: 49/2021/QĐST-HNGĐ

Cẩm thủy, ngày 16 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2021/TLST/HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B – Sinh năm 1992

Nơi Sinh: Thôn Ng, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Xuân V – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08/4/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Triệu Thị B và anh Lê Xuân V

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Triệu Thị B và anh Lê Xuân V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, Lê Triệu Thủy L – sinh ngày 06/9/2011, Lê Vinh Q, sinh ngày 04/9/2014. Nay ly hôn hai bên thỏa thuận giao cả

hai cháu cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho một cháu 1.000.000đ/ tháng, hai cháu là 2.000.000đ / tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng hai bên thỏa thuận tính từ tháng 5/2021. Sau khi ly hôn, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147- BLTTDS năm 2015; Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a, Khoản 5, Điểm b, khoản 6 Điều 27. Nghị quyết 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án; chị B và anh V mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí DSST, Anh V còn phải chịu 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, chị B nhận nộp cả phần án phí cho anh V, chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0003453, ngày 22/3/2021.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh thanh Hóa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Cẩm L;
- Lưu hồ sơ;

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY
Thẩm phán

Đã Ký

Vũ Văn Nga

